

PHẨM THỨ NĂM: “DƯỢC THẢO DỤ”

Trong phẩm này mượn ba loại cỏ và hai thứ cây để làm thí dụ. Tuy nhiên do từ nhiều thứ mà gọi tên cho nên nói “Dược Thảo Dụ”. Trong phần khai mở ba thừa và hiển bày một thừa để giáo hóa người có căn tánh bậc trung vốn có bốn đoạn: 1. Nói một phẩm Thí dụ chính là dùng thí dụ để nói lên việc khai mở ba thừa và hiển bày một thừa để giáo hóa người có căn tánh bậc trung; 2. Phẩm Tín Giải tức là người có căn tánh bậc trung đã lãnh ngộ hiểu biết; 3. Phẩm Dược Thảo Dụ này nói rõ nghĩa Như lai đã thuật rõ sự lãnh ngộ hiểu biết của người có căn tánh bậc trung; 4. Phẩm Thọ Ký. Nhưng trong bốn đoạn này theo thông lệ thì mỗi đoạn khai mở làm hai. Trong việc dùng thí dụ để nói khai mở làm hai nghĩa là: Xá-lợi-phất thưa hỏi và Như Lai đáp. Trong việc lãnh ngộ hiểu biết có hai phần tức là: Kinh gia trình bày tướng trạng được hiểu biết của bốn vị Thanh-văn lớn và ngôn từ lãnh ngộ của bốn vị Thanh-văn lớn. Nay trong phẩm này thuật rõ chứng minh thành tựu người có căn tánh bậc trung lãnh ngộ hiểu biết. Trong phần này có hai mục: Trường hàng và kệ tụng. Nhưng trong phần dùng ngôn từ lãnh ngộ hiểu biết của bốn vị Thanh-văn lớn ở trên vốn có ba đoạn: 1. Lược nói sự lãnh ngộ hiểu biết; 2. Nêu rộng sự lãnh ngộ hiểu biết trước xét hỏi Như Lai; 3. Rộng nêu ra: sự lãnh ngộ hiểu biết. Nay Như Lai chỉ thuật rõ việc rộng nêu lên sự lãnh ngộ hiểu biết và lược không thuật lại hai đoạn trước. Trong phần rộng nêu lên sự lãnh ngộ hiểu biết ở phẩm trên vốn có hai phần: 1. Từ “thí như cho người” trở xuống vào hết phần kệ bảy mươi ba hàng rưỡi kệ tạo ra chín thí dụ. Thứ nhất lãnh hội nghĩa “Như Lai khai mở ba thừa và hiển bày một thừa thuộc lý đồng quy. Thứ hai từ “ân lớn của Thế Tôn” trở xuống có mười ba hàng kệ khen ngợi ân đức của Phật sâu xa khó mà đền đáp để tổng kết sự lãnh ngộ hiểu biết. Nay căn cứ trong Văn Trường hàng này cũng phân làm hai đoạn tức thuật rõ hai đoạn ở trên: 1. Từ đầu phẩm đến “nếu có nói ra lời chi đều không hư dối vậy” ước trước thuật lại rõ phần thứ hai “ân Phật sâu xa khó mà báo đáp” 2. Từ “Phật ở nơi tất cả pháp dùng trí tuệ phương tiện” xuống hết Văn Trường hàng tức thuật rõ phần thứ nhất tạo ra chín thí dụ khiến lãnh hội ý của Như Lai khai mở ba thừa và hiển bày một thừa.

Lại căn cứ trong hai đoạn này mỗi đoạn có ba đoạn nữa. Trong việc thuật rõ sự khen ngợi ân đức sâu xa của Phật khó báo đáp có ba phần: 1. Thuật thành; 2. Nói rõ có nói cũng không hết; 3. Nói rõ Pháp vương tức lời Như Lai nói không có hư dối. Từ đầu phẩm đến “đúng

như lời ông vừa nói” tức là phần thứ nhất chánh thuật thành khen ngợi ân của Phật sâu xa khó mà đền đáp. Ở trên nói “tay lẩn chân cung cấp, đầu đánh lễ cung kính trải kiếp số hằng sa cũng không đền đáp được” tức thật đúng như lời của ông khen ngợi ân Phật. Nhưng chúng sanh khởi nghi thấy Như Lai thuật thành bốn vị Thanh-văn lớn khen ngợi ân đức sâu xa của Phật thật khó báo đáp cho rằng “đức hạnh và ân thể sâu xa của Như lai tuyệt đối như chỗ khen ngợi của trí nông cạn của bốn vị Thanh-văn lớn ấy”. Do đó có phần thứ hai nói “đức Như lai lại còn có vô lượng vô biên A-tăng-kỳ công đức” trở xuống “nói cũng không hết được” tức nêu lên chỗ nói chưa hết. Nhưng ở trên có mười ba hàng kệ khen ngợi ân sâu xa của Phật thật khó mà đền đáp tức chỉ đưa ra khen ngợi một phần nhỏ trong ân đức làm lợi ích cho chúng sanh lớn lao thuộc: thật trí và quyền trí của Như Lai. “Đúng như lời các ông vừa nói: đức Như Lai lại còn có vô lượng vô biên A-tăng-kỳ công đức không thể nói không thể tính kể ân sâu đức nặng không đâu là không làm lợi ích cho chúng sanh. Đây tức giải đáp nghi tình. Nhưng chúng sanh đối với trong việc lần thứ hai này vẫn khởi lên nghi ngờ nói “Như Lai thể tận cùng chỉ có quyền trí thường làm lợi ích cho chúng sanh và thật trí nói lý độ người”. Phật tuy đầy đủ các đức nhưng nếu dùng thật trí và quyền trí thu nhiếp thì không ra ngoài hai cách này. “Vậy sao lại nói đức Như Lai có vô lượng A-tăng-kỳ công đức? Tức là trước sau tự mâu thuẫn nhau khó thể nào tin? Đã có nghi này cho nên có phần thứ ba từ “Ca-diếp nên biết đức Như lai là vua của các pháp” trở xuống “đều không hư dối” nhằm nêu lên Pháp vương để nói rõ lời nói của Như Lai không có hư dối. Do người không tự tại nên có chỗ lo sợ mà buông lời nói “bày tỏ giáo nghĩa phần nhiều không thật”. Vua là thể trụ ở tông thể tức “trụ ở địa tột cùng tự tại” thì đâu chấp nhận có chỉ dạy đối trá. Ở đây muốn nói rõ Như lai là vua trong các pháp đã tuyên bày giáo, nói ra vốn không có hư dối cho nên mới có đoạn thứ ba này. Tuy nhiên, đoạn thứ nhất chính là thuật thành việc khen ngợi ân đức của Như Lai thật sâu xa khó mà báo đáp được. Còn hai đoạn sau là giải thích nghi ngờ. Lại xét trong ba đoạn này mỗi đoạn có hai phần. Thứ nhất chính là thuật thành sự khen ngợi ân sâu của Phật thật khó báo đáp vốn có hai phần: 1. Từ “Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo ngài Ma-ha Ca-diếp” trở xuống “công đức chơn thật”: Tức là thuật lại việc khen ngợi bốn Thanh-văn lớn. Nay khéo léo dựa trên lý nên nói “hay thay, hay thay!” “các đệ tử” tức là chỉ cho Tu-bồ-đề, Đại Mục-kiền-liên, Ca-chiên-diên v.v...; 2. “Đúng như lời các ông vừa nói” tức nêu lên lý chơn thật. Trước nói khéo léo dựa trên lý

và sau nói rõ lý chơn thật. Một cặp này hợp lại nêu lên phần thứ nhất chính là thuật lại bốn vị Thanh-văn lớn. Lấy ba mươi hàng kệ khen ngợi ân Phật sâu xa thật khó báo đáp.

Thứ hai nêu lên “nói cũng không hết” vốn có hai phần: 1. Nói “Như Lai lại còn có vô lượng vô biên A-tăng-kỳ công đức” tức nêu lên chỉ pháp của Như Lai chưa hết. Như vậy tương ứng với mười ba hàng kệ dùng để khen ngợi ân sâu xa khó báo đáp của đức Phật với vô lượng công đức không thể nói, không thể tính đếm; 2. Nói “các ông đều trải qua vô lượng ức kiếp nói cũng không hết được” đây là một cặp hợp lại nói rõ ý “không thể hết”. Một câu này, song song hợp phần thứ hai nhằm nói lên pháp đã nói chưa có chấm dứt, cũng là giải thích nghi ngờ của chúng sanh. Điều này như trước đã giải thích.

Thứ ba trong việc nói lên “không có hư dối” có hai phần 1. Từ “Ca-diếp nên biết, đức Như lai là vua của các pháp” tức trước hết nêu lên Vua pháp, làm nguyên do chứng minh “không có hư dối”; 2. Nói “Nếu có nói ra điều chi đều không hư dối” tức là nói rõ sự việc không hư dối, một cặp này hợp nêu lên phần thứ ba “không hư dối” đồng thời cũng giải thích nghi tình như trước đã thuật rõ.

Từ “ở nơi tất cả pháp dùng trí tuệ phương tiện trở xuống là đoạn thứ hai nêu lên phần thứ nhất “lãnh ngộ hiểu biết” ở trên nói rõ nghĩa “khai mở ba thừa và hiển bày một thừa của Như Lai”. Căn cứ trong đoạn này có ba phần: 1. Từ “tất cả pháp dùng phương tiện trí” đến “chỉ bày tất cả trí tuệ cho các chúng sanh” tức muốn thuật rõ: trước hết nêu ra pháp đã lãnh ngộ ở trên chính là nghĩa khai mở ba thừa và hiển bày một thừa của thật trí và quyền trí; 2. Từ “thí như trong cõi Tam thiên, đại Thiên” trở xuống “cho nên không vì chúng nói tất cả trí tuệ” tức nói rõ sự lãnh ngộ hiểu biết ở ngày nay. Đây trước hết nêu ra bốn vị Thanh-văn lớn xưa kia không hiểu nghĩa khai mở ba thừa và hiển bày một thừa, nhất định phân biệt mê mờ về lý đồng quy. “Như cây cỏ hấp thụ nước mưa rơi xuống mà được tăng trưởng nhưng mỗi thứ không có tự biết sự thấm nhuần tăng trưởng có sự sai biệt” tức nói rõ hàng Thanh-văn xưa kia không hiểu, trở thành nay được có tướng hiểu biết; 3. Từ “Ca-diếp, các ông rất là hy hữu” trở xuống đến phần Văn Trường hàng chính là thuật rõ nay đã hiểu được nghĩa: khai mở ba thừa và hiển bày một thừa”. Căn cứ trong ba đoạn này mỗi đoạn có hai phần.

Thứ nhất trong việc nêu ra sự lãnh thọ pháp vốn có hai phần: 1. Song song khai mở hai chương môn; 2. Song song rộng nói lên hai chương môn. Hai chương môn tức là “ở trong tất cả các pháp dùng trí

tuệ phương tiện mà diễn nói đó tức là chương môn quyền trí; “pháp của Phật nói thấy đều đến bậc nhất thiết trí” tức là chương môn “thật trí”. Nay sẽ giải thích nghĩa của chương môn quyền trí. “Ở nơi tất cả pháp” tức là Phật quả, Phật trí biết rõ tất cả pháp là nhất thiết chủng trí; vạn thiện là nhất thiết trí “nhân đó mà dùng phương tiện trí để diễn nói”. Tức là nói rõ đức Như Lai dựa trên các pháp nhân thuộc Nhất thiết trí ở mà dùng trí khéo léo (thiện xảo) gìn giữ tạo ra giáo ba thừa cho nên nói “dùng phương tiện trí mà diễn nói đó”. “Pháp của Phật nói thấy đều đến bậc Nhất thiết trí” tức là giải thích chương môn Thật trí. “Chỗ nói pháp của Phật” tức là quyền trí của Phật xưa kia đã nói lên pháp vạn thiện. Trong lý vạn thiện này có thể chiêu cảm được Nhất thiết trí cho nên nói “thấy đều đến bậc Nhất thiết trí”.

“Như Lai xem biết” trở xuống là đoạn thứ hai “rộng nói lên hai chương môn” ở trên. Trước hết nói về chương môn quyền trí tự có hai phần: biết thuốc và biết bệnh. Nay nói “Đức Như Lai xem biết chỗ quy thú của tất cả pháp” tức nêu ra phần thứ nhất nhằm nói rõ nghĩa “Như lai biết thuốc pháp”. Đây tức là cảnh sở chiếu quyền trí. “Cũng rõ biết chỗ tâm sở hành của tất cả chúng sanh thông thấu không ngại” tức là nghĩa “biết bệnh”. “Biết chỗ tâm sở hành của tất cả chúng sanh” tức nói rõ Như Lai biết được những thích nghi của căn tánh ba thừa cho nên mới đối với căn tánh Thanh-văn nói thích nghi hành pháp tứ đế; đối với Duyên-giác thích nghi nói pháp “mười hai nhân duyên; đối với Bồ-tát nói thích nghi hành pháp “lục độ”. Hai chữ “thông đạt” thì chữ thông chính là không tất nghĩa còn chứa đạt tức mang nghĩa “đạt đến”. Do nói rõ những thích nghi hành trì của căn tánh ba thừa ấy sẽ đoạn trừ phiền não không có trở ngại cho nên mới có nghĩa “thông suốt”. Và thích nghi thực hành của căn tánh ba thừa sẽ đạt đến Tận trí và Vô sanh trí ở ngoài ba cõi cho nên mới có nghĩa “đạt đến”. “Vô ngại” tức là nói rõ Như Lai biết hết căn tánh của người trong ba thừa không có chướng ngại. Nay nêu ra những pháp thực hành thích nghi thông suốt biểu thị rõ Như lai biết hết căn tánh của người trong ba thừa cho nên nói “rõ biết chỗ tâm sở hành của tất cả chúng sanh thông suốt không ngại”.

“Lại ở nơi các pháp rất ráo rõ biết hết” trở xuống là phần thứ hai rộng nói đến chương môn thật trí ở trên. Xét trong phần này có hai phần: biết thuốc và biết bệnh. Nay nói “lại ở nơi các pháp rất ráo rõ biết hết” tức là nêu lên nghĩa “biết thuốc pháp” nhằm nói rõ biết cảnh sở chiếu của Thật trí. Thật trí của Như Lai đối với một nhân một quả đều biết hết cho nên nói “rất ráo rõ biết hết”. “Chỉ bày tất cả trí tuệ

cho các chúng sanh” tức nêu lên nghĩa biết bệnh. Biết bệnh tức biết rõ trong chúng sanh có căn cơ Đại thừa và thọ ký cho họ trong đời vị lai sẽ làm Phật cho nên nói “chỉ bày tất cả trí tuệ cho các chúng sanh”. Đây tức là trước biết thuốc, sau biết bệnh và đúng bệnh mà cho thuốc tức bệnh liền bình phục.

“Ca-diếp”! thí như trong cõi Tam thiên đại Thiên” trở xuống cho nên chẳng vì chúng vội nói Nhứt thiết trí” tức nói lên ngày nay đã được hiểu. Trước hết dẫn ra xưa kia không hiểu nghĩa ba thừa như “cỏ cây nhận lãnh mưa rưới xuống mà được tăng trưởng nhưng mỗi thứ tự không biết sự tăng trưởng sai biệt”. Trong đây cũng có hai đoạn: khai mở thí dụ và hợp thí dụ (khai dụ và hợp dụ). Trong hai đoạn này mỗi đoạn có hai phần. Trong phần khai mở thí dụ có hai phần: 1. “Thí như trong cõi Tam-thiên đại Thiên trở xuống “đơm bông kết trái” tức thí dụ sự hấp thụ nước mưa mà được tăng trưởng; 2. Từ “đầu rằng một cõi đất sanh” trở xuống “đều có sai khác” tức thí dụ “không tự biết”. Nói lên bao lại cỏ, hai thứ cây rớt cuộc đều hấp thụ nước mưa khiến tăng trưởng và mỗi loại không tự biết sắc thái tăng trưởng sai biệt” tức nhằm hợp nói rõ bốn vị Thanh-văn lớn xưa kia đã từng thọ nhận giáo ba thừa tu hành mà không tự biết chỗ thực hành ấy trước sau chỉ là một thừa đồng quy vào Phật quả. Lại căn cứ trong thí dụ “hấp thụ để tăng trưởng” tự khai mở làm ba thí dụ... 1. Từ “thí như trong cõi Tam thiên đại Thiên” trở xuống “tên gọi màu sắc đều khác” tức trước hết nêu ra khả năng hấp thụ. Khả năng hấp thụ ấy là cỏ cây; 2. Từ “mây dày bủa khắp” trở xuống “mưa xối xuống” lại nêu lên chỗ hấp thụ. Chỗ hấp thụ ấy chính là “mây dày”; 3. “Cây cối lùm rừng và các cỏ thuốc” trở xuống “đơm bông kết trái” chính là nói lên sự hấp thụ nước mưa mà được tăng trưởng. Trước nói khả năng hấp thụ là cỏ cây, kế đến nói nơi hấp thụ là mây mưa và sau nói rõ sự hấp thụ nước mưa mà được tăng trưởng. Điều này ngụ ý muốn nói lên khả năng hấp thụ giáo nghĩa tức bốn vị Thanh-văn lớn còn chỗ hấp thụ giáo tức là hình hài và âm thanh của Như Lai. Sự hấp thụ nước mưa mà được tăng trưởng tức chỉ cho bốn vị Thanh-văn lớn nhận thọ giáo pháp mà tu hành. Lại trong ba thí dụ này mỗi thí dụ có hai phần. Trong thí dụ về khả năng hấp thụ có hai phần tức là gốc và ngọn. Khi nói đến cây cỏ tức nói đến ngọn của nó. Cây cỏ này cũng có gốc tức là chỉ cho đất. Từ “thí như cõi nước tam thiên đại Thiên” trở xuống “núi, sông, khe, hang, ruộng, đất” tức chỉ cho năm loại vô tình chúng sanh thuộc phần gốc có khả năng hấp thụ. Từ “đất sanh ra cây cối lùm rừng” trở xuống “tên gọi màu sắc đều khác” tức nêu ra khả năng hấp thụ

chính là ba loại cỏ và hai loại cây. Hợp lại mà luận gốc có khả năng hấp thụ tức là trong quá khứ chúng sanh đã từng tích lập thiện căn. Cây cỏ có khả năng hấp thụ tức là chúng sanh nay đã thành tựu được quả thiện. Nay muốn nói đến cỏ cây mà không nói đến gốc của nó cho nên hợp thí dụ ở dưới chỉ có hợp cỏ cây mà không hợp thí dụ gốc của nó.

Hỏi: nói chúng sanh có nhiều loại tự tập nhân ác mà thành chúng sanh, tự tập báo ác mà thành chúng sanh, tự tập nhân thiện mà thành chúng sanh, tự tập báo thiện mà thành chúng sanh thì nay lấy nhân gì mà thành chúng sanh?

Đáp: không lấy hai nhân ác mà thành chúng sanh vì làm khả năng hấp thụ giáo. Nhưng trong hai loại nhân thiện mà thành chúng sanh chỉ nói đến tập nhân thiện mà thành chúng sanh, là khả năng hấp thụ giáo, không lấy nhân báo thiện mà thành chúng sanh để nói lên khả năng hấp thụ. Tại như vậy? Vì nhân báo thiện không có nghĩa tăng trưởng cho nên không chọn lấy. Tập nhân thiện mà thành chúng sanh có nghĩa tăng trưởng cho nên chọn lấy làm khả năng hấp thụ.

Hỏi: Nay chọn tập nhân thiện mà thành chúng sanh để làm khả năng hấp thụ, hay vì chỉ giữ lấy tập nhân thiện mới có nghĩa tăng trưởng? Mà sự thành chúng sanh cũng có nghĩa tăng trưởng vậy?

Đáp: Chúng sanh là giả danh và giả danh là không có thể riêng biệt mà lấy pháp làm thể. Nay tập nhân thiện tức là thật pháp. Pháp này thành tựu chúng sanh. Nhưng tập nhân thiện có nghĩa tăng trưởng mà chúng sanh là giả danh không có nghĩa tương đương tăng trưởng nhưng chỉ có dụng của giả danh thôi.

Hỏi: Chúng sanh không có thể riêng biệt mà chỉ dùng tập nhân thiện làm thể. Vậy tập nhân đã tăng trưởng thì sao chúng sanh lại không được tăng trưởng? Nếu nói chúng sanh không tăng trưởng thì không nên nói dùng tập nhân làm thể?

Đáp: Vốn nói giả danh là pháp không có “thể”, chỉ lấy tập nhân thiện làm thể. Nếu trách nay chúng sanh riêng biệt tăng trưởng thì trở thành với pháp giả danh có thể riêng biệt vậy tại sao nói lấy pháp khác làm thể! Đại ý trong đây riêng chỉ đối với bốn vị Thanh-văn lớn. Nay Niết-bàn và năm thừa mượn ba loại cỏ và hai thứ cây làm thí dụ cho khả năng hấp thụ. Cỏ có ba hạng thượng, trung và hạ. Cây có hai loại tức loại nhỏ và loại lớn hợp với văn kinh dưới nói “cây lớn, cây nhỏ”. Tuy nhiên cỏ cây tự có nhiều thứ nhưng nay chỉ nêu lên cỏ thuốc nhằm ngụ ý nói chúng sanh tuy có phạm và thánh nhưng chỉ có người của năm thừa có khả năng kham nhận tu hành như công dụng của cỏ thuốc. Người và

tời tức ví như loài cỏ thuốc nhỏ. Thanh-văn và Duyên-giác tức ví như cỏ thuốc bậc trung. Trong ba thừa, Bồ-tát được ví như cỏ thuốc bậc thượng. Nay trong Đại thừa nói rõ hàng Bồ-tát nội phạm được ví như cây nhỏ. Từ sơ địa Bồ-tát trở lên được ví như cây lớn. Sở dĩ trời và người được hợp ví như cỏ thuốc nhỏ, Thanh-văn Duyên-giác được ví như cỏ hạng trung là vì muốn chỉ riêng hạng người này, nói họ xưa kia tuy lãnh thọ kinh giáo của Như Lai mà không biết dụng của Quyền Thực trí thuộc lý đồng quy cho nên hợp nêu lên hai thừa: trời và người được ví như cỏ nhỏ. Như trong kinh Thắng man nói “vì là chúng sanh không nghe phi pháp”. Đây tức chê bai xưa kia đã lãnh thọ pháp mà không biết ý nghĩa của pháp. Lại hợp nói Thanh-văn và Duyên-giác thì nghĩa cũng như vậy. Hỏi: Nói Bồ-tát v. v.. tự biết giáo Thật trí và Quyền trí của Như Lai có nghĩa đồng quy thì tại sao nói hèn mọn? Đáp: Đã như trước đã giải thích tức chỉ riêng cho Niết-bàn của Thanh-văn, Duyên-giác và Bồ-tát. Nếu đồng chọn nghĩa nghe Phật nói pháp khiến tăng trưởng thiện căn thì người của Đại thừa và Tiểu thừa đều có nghĩa tăng trưởng. Lấy đó dụ cho ba loại cỏ, hai loại cây đều hấp thụ nước mưa mà tăng trưởng. Nếu chọn lấy nghĩa không biết và biết tức đại ý chỉ bốn vị Thanh-văn lớn cho nên nói “Niết-bàn và người khác”.

Hỏi: Nếu khiến Bồ-tát có nghĩa tăng trưởng dùng hai thứ cây làm thí dụ thì Thanh-văn cũng có nghĩa tăng trưởng, tức lấy cỏ thuốc làm thí dụ. Vậy không thể nói “nghĩa không biết” để thí dụ cho cỏ thuốc vậy? Đáp: Phẩm này vốn thuật lại sự việc của bốn vị Thanh-văn lớn ngày nay được hiểu, trước hết nói họ xưa kia vì không hiểu nên mới lấy cỏ làm thí dụ. Và nói họ có khả năng hấp thụ giáo mà không biết cho nên Thanh-văn v.v... giữ lấy nghĩa không biết mà nói, còn Bồ-tát thì chọn nghĩa tăng trưởng. Trong thí dụ về chỗ hấp thụ vốn có hai phần: gốc hấp thụ và nêu lên sự hấp thụ.

“Mây dày bủa giăng trùm khắp cõi tam thiên đại Thiên” tức nêu lên gốc (căn bản) của chỗ hấp thụ. Gốc ấy chính là “mây” nhằm ngụ ý nói rõ Như lai dùng thân hình và âm thanh để giáo hóa giống như mây. “Đồng thời mưa xối xuống khắp nơi thấm nhuần” tức nêu lên sự hấp thụ. Hấp thụ ấy chính là mưa ý nói rõ pháp của Như Lai tuyên bày mang đến các chúng sanh như trời mưa xuống cây cỏ. Tuy nhiên cây cỏ này đồng hấp thụ trời mưa để sanh trưởng mà có sai biệt hơn kém cũng như chúng sanh đồng nghe Phật thuyết pháp khiến tăng trưởng thiện căn mà có sai biệt hơn kém.

“Cây cối lùm rừng” trở xuống tức nói lên thí dụ “hấp thụ nước

mưa mà tăng trưởng”. Trong thí dụ này có hai phần: 1. Từ “cây cối lùm rừng” trở xuống “mà hấp thụ khác nhau” tức là thí dụ sự hấp thụ thấm nhuần; 2. Từ “một cụm mây tuôn mưa xuống” đến “đơm hoa kết trái” tức thí dụ “sự tăng trưởng”. Như vậy, trước nói rõ sự thọ nhận thấm nhuần và sau nói lên sự tăng trưởng nhằm ngụ ý nói rõ chúng sanh ban đầu nghe Phật thuyết pháp đều sanh tâm vui mừng và lãnh thọ, như cỏ cây hấp thụ một trận mưa thấm nhuần, và sau nói tăng trưởng tức nói rõ chúng sanh xưa kia nghe Phật thuyết pháp rồi sau mới cùng nhau tăng trưởng thiện căn. Trong phần hợp dụ bên dưới tuy nêu ra về sau sanh vào nơi lành nhưng chủ yếu là nói đến sự thọ nhận an vui. Điều này nói rõ phải có nhân báo mới có quả báo chứ chẳng phải không có nhân báo. Nhưng nay nói lên nghĩa tăng trưởng nên chỉ nắm lấy tập nhân và tập quả nhằm nói rõ nghĩa tăng trưởng của chúng. Trong hai thí dụ này mỗi thí dụ có hai phần.

Trong thí dụ nói về sự thọ nhận thấm nhuần có hai phần tức là: 1. Từ “cây cối lùm rừng và các cỏ thuốc” đến “tùy hạng thượng, trung và hạ” trở xuống tức trình bày rõ pháp thọ nhận thấm nhuần. Thân, gốc, nhánh, lá của ba loại cỏ và hai thứ cây là dụ cho năm hạng người tin tưởng vào giới, định, tuệ đã thuật ở trước; 2. Nói “mỗi giống loài được hấp thụ” tức nêu lên nghĩa thọ nhận thấm nhuần nhằm ngụ ý nói rõ chúng sanh xưa kia nghe Phật thuyết pháp mỗi người đều tự thọ trì cho nên nói “mỗi thứ đều có chỗ hấp thụ”.

Trong thí dụ tăng trưởng vốn có hai phần tức là: 1. Nói “một cụm mây tuôn mưa xuống tức trước hết trình bày rõ nguyên do của sự tăng trưởng. Nguyên do đó chính là mây mưa nhằm ngụ ý nói rõ chúng sanh sở dĩ được tập thiện tăng trưởng là vì nương vào hình tướng và âm thanh của Như Lai; 2. Nói “xứng theo tánh của mỗi giống loài” trở xuống có ba câu nói lên sự tăng trưởng. Ba câu này cũng thứ tự tương sanh. Ban đầu nói “xứng theo chủng tánh của nó” tức trước hết nêu lên loại tăng trưởng nhằm ngụ ý nói rõ căn tánh của người trong năm thừa mỗi hạng có chủng loại mà được sanh trưởng. Đây chính là nói rõ sự tăng trưởng. “Đơm bông kết trái” chính là giải thích tướng tăng trưởng. Nếu không tăng trưởng thì sao gọi là có đơm bông kết trái.

“Dầu rằng một cõi đất sanh” trở xuống là nói lên thí dụ “không tự biết”. Ba loại cỏ, hai thứ cây rất cuộc cũng hấp thụ nước mà được tăng trưởng nhưng chúng không tự biết tướng tăng trưởng sai biệt ấy. Điều này nhằm nói rõ bốn vị Thanh-văn lớn xưa kia thân gần lãnh thọ giáo ba thừa của Như lai nhưng chấp chặt vào ba thừa là kiên định riêng biệt mà

mê mờ về lý đồng quy nên tự mình không biết được sở hành của ba thừa trước sau chỉ là một thừa và đồng quy một quả. Lại căn cứ trong thí dụ “tự mình không biết” cũng có hai phần: 1. Dầu rằng một cội đất sanh, một trận mưa thấm nhuần” tức trước hết nêu lên nguyên do “không tự biết”; 2. Nói “mà các cây cỏ đều có sai biệt” chính là nêu lên “không tự biết”. Tuy lại có tướng sai biệt nhưng không tự biết. Sở dĩ có sự sai biệt này là nhằm muốn nói bốn vị Thanh-văn lớn xưa kia đã lãnh thọ giáo nghĩa riêng biệt ba thừa của Như lai mà mỗi người được quả riêng biệt. Lúc ấy người trong ba thừa tự nói thừa này thừa khác mỗi thứ có sai biệt mà tự mình không biết rõ giáo ấy xưa nay đều đồng quy vào một lý đưa đến quả vị cao nhất.

“Ca-diếp nên biết! Đức Như Lai cũng lại như thế” trở xuống là phần hợp dụ thứ hai. Nhưng trong việc khai mở thí dụ ở trên vốn có hai phần: Thí dụ về sự hấp thụ nước mưa mà được tăng trưởng, thí dụ về sự tự không biết. Nay trong phần hợp dụ này cũng có hai đoạn: 1. Từ “Như lai cũng lại như thế” trở xuống “được đượm nhuần đầy đủ, được tăng trưởng” tức hợp với thí dụ “hấp thụ nước mưa mà được tăng trưởng”; 2. Từ “Đức Như Lai nói một pháp, một tướng, một vị” trở xuống tức hợp thí dụ “tự không biết”. Xét trong đoạn thứ nhất có hai phần: kết hợp riêng biệt, nêu lên thí dụ bên ngoài để kết hợp. Hợp riêng biệt tức nêu lên thí dụ “hấp thụ nước mưa” ở trên vốn có ba phần. Trong ba phần ấy, mỗi phần lại được phân làm hai thứ. Nay hợp đó làm thể và khai mở làm năm đoạn. Sở dĩ không khai mở làm sáu đoạn là vì trong việc khai mở thí dụ “có khả năng hấp thụ” ở trên có hai thứ: gốc và ngọn nhưng nay chỉ hợp phần ngọn chứ không hợp phần gốc của nó. Do đó thành năm đoạn nhưng lại không có thứ tự. Năm đoạn hợp nêu lên ấy cính là: mây, cỏ cây, mưa, thọ nhận thấm nhuần, tăng trưởng. Trong gốc cây cỏ ở trên, là đoạn thứ nhất nhưng nay lại rơi vào đoạn thứ hai. Ở trên tạo ra sự thứ tự tức trước hết có cây cỏ rồi sau mới có mây dày kéo đến làm mưa xuống tức thọ nhận thấm nhuần.

Nay trong đây trước lại nêu lên mây dày che khắp cỏ cây, rồi sau mới rơi mưa xuống khiến cây cỏ được thấm nhuần tăng trưởng. Trong hợp thí dụ mây vốn có hai ý quan trọng: 1. Nêu lên hình ảnh Phật để hợp dụ mây; 2. Nêu lên âm giáo của Phật biến khắp nơi là thí dụ như mây. Nhưng trong việc hợp nêu lên hình ảnh của Phật hợp dụ như mây lại có hai phần: 1. Nêu lên hình ảnh Phật để hợp dụ; 2. Nói “như mây lớn nổi lên” tức nêu lên thí dụ bên ngoài để hợp kết. “Dùng giọng tiếng

lớn” trở xuống là nêu lên thính giáo của Như Lai hợp tựa như mây. Điều này cũng có hai phần: 1. Nêu lên để tổng hợp mây; 2. Nêu lên để kết hợp riêng biệt về mây.

Trong việc nêu lên để tổng hợp mây cũng có hai phần: 1. Dùng giọng tiếng lớn vắng khắp, vang khắp tiếng lớn cả trời người, A-tu-la” chính là nêu lên sự tổng kết lời dạy của Như Lai như mây bủa khắp; 2. Nói “như mây lớn kia” trở xuống “cõi nước Tam thiên đại Thiên” tức nêu lên thí dụ bên ngoài nhằm hợp riêng biệt. Từ “ở trong đại chúng mà xướng lời này” trở xuống là nêu lên lời dạy riêng biệt hợp với mây.

Căn cứ trong đoạn thứ hai này cũng có hai phần: 1. Nêu lên lời dạy riêng biệt để tổng hợp; 2. Muốn khuyến khích đại chúng lúc bấy giờ đến nghe pháp.

Tựa trưng trong việc nêu lên lời dạy để kết hợp tự có sáu thứ thính giáo riêng biệt: 1. Từ “ở trong đại chúng mà xướng lời này” trở xuống trước hết nói rõ Như Lai có mười đức hiệu; 2. Từ “người chưa được độ thời làm cho được độ” trở xuống là nói lên bốn đức hoàng thệ nguyện; 3. Từ “đời nay và đời sau, Phật đều biết đúng như thật” trở xuống, tức nêu lên đức thuộc ba thứ chứng đạt của Như Lai. Đời nay tức là hiện tại và đời sau tức là quá khứ cũng là đời vị lai. Nếu căn cứ vào hiện tại mà nhìn về quá khứ thì đó là đời sau. Nếu ngược với vị lai mà hướng về quá khứ thì vị lai này tức mang nghĩa, đời sau; 4. Nói “Ta là bậc Nhứt Thiết trí” tức nói rõ chủng trí. Do biết rõ tất cả pháp cho nên nói Nhứt thiết trí. Đây tức nêu lên cảnh quan sát của trí; 5. Nói “Bậc Nhứt thiết kiến” tức nói lên đức của “ngũ nhãn”; 6. Nói “Bậc tri đạo” trở xuống tức nêu lên đức của bậc đạo sư. “Bậc khai đạo” tức là khai mở ba thừa phương tiện nhằm muốn nói Như Lai nói pháp, ba thừa và chỉ ra pháp một thừa cho nên nói “có đức của bậc đạo sư”. “Các người hàng trời, người, A-tu-la” trở xuống tức nêu lên việc muốn khuyến khích đến nghe pháp. “Bấy giờ, có vô số muôn ức loài chúng sanh” trở xuống “đến nghe pháp” tức là hợp cây cỏ ở trên tương ứng với văn ở trên nói “cây cối được sanh”. “Đi đến chỗ đức Phật mà nghe pháp” tức ở trên khai mở thí dụ không có và nay nêu ra nghĩa này. “Lúc đó đức Như Lai xem xét chúng sanh này” trở xuống là hợp thí dụ mưa ở trên tương ứng với văn kinh nói “một cụm mây tuôn mưa xuống”. “Chủng lạo nhiều vô lượng” trở xuống là hợp sự thọ nhận thấm nhuần. Trong hợp thí dụ này có hai phần tức hợp hai điều trên. Văn trên nói “tùy hạng thượng, trung, hạ và nay nói chủng loại nhiều vô lượng” tức chính là hợp “tùy hạng thượng, trung, hạ”. “Đều khiến vui mừng đặng nhiều lợi lành” tức hợp ở trên “có

chỗ thọ nhận khác biệt” ở trên. “Các chúng sanh này nghe pháp rồi” trở xuống tức hợp thí dụ tăng trưởng ở trên tương ứng với văn kinh nói “một cụm mây tuôn mưa xuống theo mỗi giống loại”. Nay xét trong hợp thí dụ này tự có hai phần: 1. Nêu lên quả báo tức là “các chúng sanh này nghe pháp rồi, hiện đời an ổn, đời sau sanh về chỗ lành”; 2. “Cũng được nghe pháp” trở xuống tức nêu lên “tập quả”.

“Như mây lớn kia” trở xuống tức là nêu ra thí dụ để kết hợp. Nhưng trong phần hợp thí dụ “hấp thụ nước mưa” vốn có hai phần: phần thứ nhất chính là riêng biệt kết hợp. Còn từ đây trở xuống tức là phần thứ hai nêu lên năm loại thí dụ bên ngoài. Trong phần hợp dụ “như mây lớn kia” tức là hợp thí dụ về mây. “Mưa rưới khắp tất cả” tức là hợp nêu lên thí dụ về mưa ở trên. “Cỏ cây, lùm rừng” tức hoàn toàn hợp với phần “cỏ cây”. “Như chủng tánh của mỗi thứ đều được đơm nhuần” tức hợp sự thọ nhận thấm nhuần. “Đều được sanh trưởng” tức hợp thí dụ “tăng trưởng”

“Đức Như Lai nói pháp một tướng, một vị” trở xuống tức hợp thí dụ “tự không biết”. Trong thí dụ này vốn có năm phần: 1. Trước hết nêu ra pháp không biết; 2. Chánh hợp không biết; 3. So sánh giải thích sự không biết tức nêu ra Như lai biết các pháp nhằm so sánh giải thích hàng nhị thừa không biết; 4. Nêu lên sự thí dụ bên ngoài không biết để kết hợp; 5. Trở lại nêu lên “Như Lai biết” để kết hợp. Nay nói “đức Như Lai thuyết pháp một tướng, một vị, trở xuống tức trước hết nêu ra pháp không biết tự có hai phần. Câu này tạo ra hai chương môn. Một tướng tức là quả vô vi, một vị tức là quả hữu vi nhằm nói rõ Như Lai xưa kia thuyết pháp ba thừa nhưng trước sau đều nhắm đến một quả hữu vi và vô vi cho nên nói “một tướng, một vị”. Trong việc giải thích chương môn vô vi có ba câu “nghĩa là tướng giải thoát” tức nói rõ chỗ hết nhân quả thuộc hai loại vô vi. Hai câu sau là riêng biệt nêu lên “tướng xa lìa” để nói rõ nhân hết và “tướng diệt” để nói rõ quả mất. “Rốt ráo đến bậc Nhứt thiết trí” là giải thích chương môn thuộc quả hữu vi. “Có chúng sanh nào nghe pháp của Như Lai” trở xuống tức chính hợp người trong hai thừa không tự biết rõ. “Vì sao”? Vì chỉ có Như Lai biết chúng sanh này” trở xuống tức nêu lên “Như lai biết rõ”. Trong việc so sánh giải thích hàng nhị thừa không biết bao gồm có ba phần: 1. “Chỉ có Như lai biết chúng sanh này” trở xuống chính là nói rõ Như Lai biết căn tánh của chúng sanh tức nghĩa là “biết bệnh”; 2. “Nghĩ việc gì” trở xuống tức nói rõ Như Lai biết pháp nào xứng hợp với căn tánh đó nghĩa là “biết thuốc”. Pháp ấy chẳng hạn như Tứ Đế, mười hai nhân duyên v.v... Cho

đến nơi chốn bạn hữu mỗi loại đều nhập đạo bất đồng; 3. “Chúng sanh ở nơi các bậc” trở xuống tức nêu lên căn tánh của chúng sanh không giống nhau nhằm tổng kết “Như Lai biết bệnh, biết thuốc”. Nay nói “biết chủng tướng và thể tánh của chúng sanh” tức nói lên Như Lai biết rõ người trong ba thừa sai biệt không giống nhau nhằm biểu thị tướng khác biệt và thể lãnh lợi hoặc ám độn sai khác nên tập tánh chẳng phải một. Nói pháp ứng hợp với căn tánh của chúng sanh tức đại khái nói dụng tâm của chúng sanh không ngoài ba tuệ cho nên nêu ra ba tuệ để nói rõ pháp ứng hợp không giống nhau. Căn cứ trong đó tự có bốn phần: 1. “Nhớ việc gì, nghĩ việc gì, tu việc gì” gồm ba câu chính là nói lên cảnh giới ứng hợp bất đồng nên vào đạo có khác biệt; 2. “Nhớ thế nào? Nghĩ thế nào? Tu thế nào” tức nói lên cái bết về phương pháp tu hành bất đồng của chúng sanh trong hiện tại; 3. “Dùng pháp gì để nhớ? Dùng pháp gì để nghĩ? Dùng pháp gì để tu? Tức nói rõ chỗ thực hành trong hiện tại và nhân quả khứ bất đồng; 4. Dùng pháp gì được pháp gì? Nói rõ thực hành hiện tại và quả vị trong tương lai bất định. Nếu khéo tạo ra, văn cú thì cũng nên nói thêm “nhớ pháp gì được pháp gì; nghĩ pháp gì được pháp gì, tu pháp gì được pháp gì?” Tuy nhiên, câu văn tuy lược nhưng nghĩa có thể suy ra”. “Chúng sanh ở nơi các bậc” trở xuống là nêu lên việc Như Lai biết bệnh biết thuốc thông suốt không ngại. “Như cây cối lùm rừng kia” trở xuống là hợp thí dụ “tự mình không biết” và thí dụ bên ngoài “không biết” nhằm kết hợp “Đức Như Lai biết pháp một tướng” trở xuống tức nêu lên “Như lai biết” để kết hợp.

“Ca-diếp! các ông rất là hy hữu” trở xuống tức thuật lại việc đã qua và nay đã hiểu đầy đủ về việc khai mở ba thừa và hiển bày một thừa. Tuy nhiên trong văn lược nên chỉ dẫn ra sự hiểu biết về việc khai mở quyền trí. Căn cứ trong đoạn này cũng có hai phần: 1. Thuật lại sự hiểu biết về phương tiện; 2. Từ “vì sao” trở xuống tức là giải thích. “mà nói kệ rằng” tức phẩm này có hai đoạn Văn Trường hàng và kệ tụng. Từ đây trở xuống có năm mươi bốn hàng rưỡi kệ là nêu lên phần trùng tụng thứ hai.

Nhưng trong phần Văn Trường hàng ở trên vốn cũng có hai phần: 1. Từ đầu phẩm đến “nếu có nói ra lời chi đều không có hư dối” tức trước hết nói lên việc thuật lại bốn vị Thanh-văn lớn khen ngợi ân sâu xa của Phật thật khó báo đáp nhưng ay trong kệ không tụng. Sở dĩ không tụng là vì thuật lại việc khen ngợi ân của Phật sâu xa khó mà báo đáp. Ý này là đại bi tức thuật lại sự lãnh ngộ hiểu biết và ý nghĩa này là phụ cho nên lược mà không tụng; 2. Thuật lại sự lãnh ngộ hiểu

biết và nay tụng.

Nhưng trong việc thuật lại sự lãnh ngộ hiểu biết vốn có ba đoạn: 1. Từ “ở nơi tất cả pháp dùng phương tiện trí” trở xuống “chỉ bày tất cả trí tuệ cho các chúng sanh” tức muốn thuật lại sự lãnh ngộ hiểu biết và trước hết nêu ra pháp được lãnh ngộ ấy; 2. Từ “thí như trong cõi tam thiên đại Thiên” trở xuống “cho nên chẳng liên vì chúng vợi nói” trở lại tức nêu lên hình thái xưa kia không hiểu mà nay được hiểu; 3. “Ca-diếp! các ông rất là hi hữu” trở xuống chính là thuật lại sự việc nay đã lãnh ngộ hiểu biết. Xét trong năm mươi bốn hàng rưỡi kệ cũng được phân làm ba đoạn: 1. Có bốn hàng kệ tụng pháp được lãnh ngộ ở trên; 2. Từ “Ca-diếp ông nên biết, thí như vừng mây lớn” trở xuống có bốn mươi bảy hàng kệ tụng sự việc xưa kia không hiểu; 3. “Ca-diếp, ông nên biết, ta dùng các nhân duyên “trở xuống có ba hàng rưỡi kệ tụng thuật lại sự lãnh ngộ hiểu biết. Trong văn nói pháp được lãnh ngộ ở trên vốn có hai phần: 1. Có hai câu khai mở hai chương môn; 2. Giải thích chương môn.

Nay bốn hàng kệ cũng được phân làm hai: 1. Có hai hàng tụng khai mở chương môn; 2. Có hai hàng tụng giải thích chương môn. Trong hai hàng kệ trước thì hàng ban đầu tụng quyền trí và hàng sau tụng Thật trí. Nay nói “Pháp vương phá các cõi” tức tụng câu “ở trong tất cả các pháp dùng phương tiện trí mà diễn nói đó tức là khai mở môn phương tiện. Nay nói “Pháp vương phá các cõi” tức là bậc Pháp vương phá hai mươi lăm cõi. “Theo tánh của chúng sanh” tức tùy sự ưa thích thuộc căn tánh của người trong ba thừa. “Đức Như Lai tôn trọng” tức tụng chương môn thật trí tương ứng với văn trên nói “pháp của Phật nói thấy đều đến bậc Nhất thiết trí” và nay nói “đức Như Lai tôn trọng, trí tuệ rất sâu xa lâu giữ pháp yếu này, chẳng vợi liền nói ra “người trí nếu được nghe” trở xuống có hai hàng kệ tụng giải thích hai chương môn ở trên. Hàng kệ đầu tụng giải thích Quyền trí và hàng kệ sau tụng giải thích Thật trí. Trong giải thích Quyền trí vốn có hai câu. Ban đầu nói “đức Như Lai xem biết chỗ quy thú của tất cả các pháp “tức là biết pháp, biết các pháp của ba thừa đều quy hướng về một thừa, nhưng nay không tụng. Lại nói “cũng biết rõ chỗ tâm sở hành của tất cả chúng sanh thông thấu không ngại tức là biết rõ căn tánh của người trong ba thừa và nay có một hàng kệ tụng điều đó. “Ca-diếp vì cớ đó, theo sức chúng nói pháp” tức tụng giải thích Thật trí ở trên. Văn giải thích Thật trí ở trên vốn có hai câu. Câu đầu nói “Phật lại ở nơi các pháp rốt ráo rõ biết hết” tức là nghĩa biết thuộc pháp và nay không tụng. Câu sau nói “chỉ bày tất cả trí

tuệ cho các chúng sanh” và nay có một kệ nêu lên câu này.

“Ca-diếp ông nên biết” trở xuống có bốn mươi bảy hàng tức tụng phần thứ hai “xưa kia không hiểu”. Trong Văn Trường hàng ở trên vốn có hai phần: khai dụ và hợp dụ. Nay trong bốn mươi bảy hàng này cũng được phân làm hai: 1. Có mười hai hàng rưỡi kệ tụng phần khai mở thí dụ; 2”. Đức Phật cũng như thế” trở xuống có ba mươi sáu hàng rưỡi kệ tụng phần hợp dụ. Trong văn khai mở thí dụ ở trên vốn có hai phần: 1. Thí dụ về hấp thụ nước mưa mà được tăng trưởng; 2. Thí dụ “không tự biết. Nay trong mười hàng rưỡi kệ này cũng được phân làm hai. Trước có chín hàng rưỡi kệ tụng sự hấp thụ nước mưa mà được tăng trưởng. Sau có một hàng tụng sự việc “không biết”.

Nhưng văn thí dụ “hấp thụ nước mưa mà được tăng trưởng” vốn có ba phần: 1. Khả năng hấp thụ; 2. Nơi chốn hấp thụ; 3. Nói rõ sự hấp thụ nước mưa mà được tăng trưởng. Nay xét trong chín hàng rưỡi kệ cũng được phân làm ba nhưng không có sắp xếp theo thứ tự. Trước hết có bốn hàng tụng chỗ hấp thụ thứ hai. Thứ hai có hai hàng rưỡi kệ tụng khả năng hấp thụ thứ nhất. Thứ ba có ba hàng tụng sự hấp thụ nước mưa mà được tăng trưởng thứ ba. Nhưng trong thí dụ về chỗ hấp thụ ở trên vốn có mây và mưa làm gốc và ngọn. Nay trước hết có ba hàng tụng về mây. Tiếp: “Trận mưa đó khắp cùng” gồm một hàng tụng về mưa. Trong thí dụ mây, mưa ở trên ví như hai sự việc hình và tiếng. Nay ba hàng kệ cũng được phân làm hai. Một hàng đầu chính tụng thí dụ về hình và mây “Mây trí tuệ chứa nhuần” trở xuống tụng thí dụ về tiếng và mây. Xét trong hai hàng này thì hàng đầu nêu lên thí dụ về mây. “Nhật quang bị che khuất” tức gồm một hàng mang nghĩa thứ hai bao hàm nói rõ tướng mưa, mây vốn có ba ý. Ban đầu nói “nhật quang bị che khuất” tức gồm một câu, muốn nói rõ khi Như Lai chưa xuất thế hàng ngoại đạo đem tà giáo dạy người bao trùm cả ánh sáng mặt trời. Nay mây dày xuất hiện thì mặt trời ẩn mất tức nhằm nói rõ khi Như Lai xuất thế tuy lại chưa thuyết ngôn giáo nhưng ngoại đạo tà giáo đều diệt mất. Kế đến nói “trên mặt đất mát mẽ” tức nêu lên ý thứ hai. “Mây dày bủa khắp nơi, trên mặt đất mát mẽ” tức nói rõ chúng sanh thấy Như Lai ai cũng vui mừng cả “mây mù sa bủa gần” trở xuống có hai câu nêu lên ý thứ ba. Một lần thấy mây tương tự như núi, như đá nhưng rốt cuộc không thể dùng tay để nắm lấy được tức ngụ ý nói rõ hình ảnh này của Như Lai có đồng với thể của phàm phu, dùng trí để cầu thân Phật tức là pháp thân. Có hình tức không có hình và có tiếng tức không có tiếng. “Mưa ấy giăng bủa khắp” tức gồm một hàng tụng mưa tương ứng với

văn trên nói” đồng thời mưa xối xuống khắp nơi thấm nhuần”. “Nơi núi sông hang hiểm” trở xuống có hai hàng rưỡi kệ lại nêu lên khả năng hấp thụ ở tên. Trong văn nói khả năng hấp thụ ở trên vốn có hai phần: 1. Gốc có hể hấp thụ tức là đất. Nay trước hết có nửa hàng tụng điều đó; 2. Nêu ra khả năng hấp thụ tức là ba loại cỏ và hai thứ cây. Nay có hai hàng còn lại thông suốt tụng điều đó. “Vầng mây kia mưa xuống” trở xuống có ba hàng tức tụng sự hấp thụ nước mưa mà được tăng trưởng. Nay trong ba hàng này, một hàng đầu tụng sự thọ nhận thấm nhuần và hai hàng sau tụng sự tăng trưởng. Trong văn nói thọ nhận thấm nhuần ở trên vốn có hai phần: 1. Nguyên do thọ nhận thấm nhuần; 2. Nói lên nghĩa thọ nhận thấm nhuần, nay trong một hàng “vùng mây kia mưa xuống” thì có nửa hàng trước hết tụng nguyên do thọ nhận thấm nhuần và nửa hàng kế tụng thọ nhận thấm nhuần ở trên. Trong văn nói sự tăng trưởng vốn có hai phần: 1. Nói rõ sự tăng trưởng; 2. Nói rõ tướng tăng trưởng. Nay trong hai hàng thì ban đầu “tất cả các giống cây, hạng thượng trung cùng hạ” tức tụng sự tăng trưởng ở trên. “Gốc thân nhánh và lá” tức tụng tướng tăng trưởng ở trên. “Theo thể tướng của nó” trở xuống có một hàng tụng thí dụ “không tự biết” ở trên. Trong thí dụ này vốn có hai phần: 1. Nguyên do không tự biết; 2. Nói rõ việc không tự biết. Nay một hàng này thông suốt tụng điều đó.

“Đức Phật cũng như thế” trở xuống có ba mươi sáu hàng rưỡi kệ tụng hợp dụ ở trên. Nay căn cứ trong ba mươi sáu hàng rưỡi kệ cũng được phân làm hai đoạn. Ban đầu có ba mươi lăm hàng hợp tụng thí dụ “hấp thụ sự ẩm ướt mà được tăng trưởng” và có một hàng rưỡi kệ tụng hợp thí dụ “không tự biết” Trong văn hợp thí dụ ở trên được phân làm hai đoạn: 1. Hợp riêng biệt; 2. Nêu lên thí dụ bên ngoài để kết hợp. Nay không tụng việc kết hợp mà chỉ tụng việc hợp riêng biệt. Trong văn nêu lên riêng biệt được khai mở làm năm phần tức trước hết hợp thí dụ mây, kế đến hợp cây cỏ, mưa, thọ nhận thấm nhuần và tăng trưởng. Nay trở lại nương vào văn khai mở thí dụ để tạo ra ba đoạn và y cứ vào phần hợp dụ để tạo ra sự thứ tự ấy. Nay xét trong ba mươi lăm hàng thì ban đầu có mười ba hàng rưỡi kệ tụng chỗ hấp thụ. Thứ hai có hai hàng tụng khả năng hấp thụ. Thứ ba có mười chín hàng rưỡi kệ tụng kết hợp sự hấp thụ thấm nhuần mà tăng trưởng. Nay trong mười ba hàng rưỡi kệ tự phân làm hai phần: 1. Có bảy hàng rưỡi kệ tụng hợp dụ về mây; 2. Có sáu hàng tụng hợp dụ về mưa. Trong văn hợp ở trên vốn có hai phần: 1. Nêu lên hình ảnh hợp với mây; 2. Nêu lên tiếng hợp với mây. Nay trong bảy hàng rưỡi kệ thì một hàng ban đầu tụng hợp hình ảnh và

sáu hàng rưỡi kệ kế tiếp tụng nêu âm thanh để hợp. Trong văn hợp hình ảnh ở trên gồm có hai phần. Ban đầu nêu lên hình ảnh để kết hợp và kế đó nêu ra thí dụ bên ngoài để kết hợp. Nay nói đức Phật cũng như thế” thì có nửa hàng tụng phần chính hợp và nửa hàng kế tiếp tụng thí dụ bên ngoài để kết hợp. “Hiện ra nơi trong đời” trở xuống có sáu hàng rưỡi kệ tụng về tiếng để kết hợp mây. Trong văn nêu lên tiếng để kết hợp mây ở trên gồm có hai phần: 1. Nêu lên lời dạy tổng quát để kết hợp; 2. Nêu lên lời dạy riêng biệt để kết hợp. Nay sáu hàng rưỡi kệ thì một hàng đầu tụng hợp phần thứ nhất. Và có năm hàng rưỡi kệ tụng hợp phần thứ hai. Trong văn nêu lên lời dạy tổng quát để kết hợp ở trên gồm có hai phần: 1. Nêu lên âm thanh tổng quát để kết hợp; 2. Nêu ra thí dụ bên ngoài để kết hợp. “Hiện ra nơi trong đời” tức chỉ tụng phần chánh hợp mà không tụng sự kết hợp. Trong văn nêu ra lời dạy riêng biệt để kết hợp ở trên cũng có hai phần: 1. Nêu ra tiếng riêng biệt để kết hợp; 2. Khuyến khích đại chúng lúc ấy đến nghe pháp. Nay trong năm hàng rưỡi kệ có hai phần. Ban đầu có ba hàng rưỡi kệ chính là tụng tiếng riêng biệt để kết hợp và kế đến có hai hàng tụng khuyến khích đến nghe pháp. Nhưng trong văn nêu ra tiếng riêng biệt thì Phật có sáu loại đức kết hợp với tiếng. Nay trong ba hàng rưỡi kệ thì từ “đấng đại Thánh Thế Tôn” trở xuống có hai hàng tụng hợp mười đức hiệu của Phật. Và “thấm nhuần khắp tất cả” trở xuống có một hàng rưỡi kệ tụng hợp với đức thuộc bốn hồng thệ nguyện nhưng nay lược mà không nêu lên bốn đức ấy. “Các chúng trời, người này” trở xuống có hai hàng tụng hợp tiếng riêng biệt nhằm khuyến khích chúng đến nghe pháp. “Vì các đại chúng nói” trở xuống có sáu hàng tụng hợp thí dụ về mưa. “Ta xem tất cả chúng” trở xuống có hai hàng rưỡi kệ tụng về tâm bình đẳng. “Thường diên nói pháp luôn” chỉ có một hàng tụng sự việc không có nhằm mỗi. “Đầy đủ cho thế gian” trở xuống có nửa hàng tụng thí dụ bên ngoài để kết hợp. “Sang hèn cùng thượng hạ” trở xuống gồm có hai hàng tụng thí dụ “có khả năng hấp thụ”.

“Tất cả hàng chúng sanh được nghe pháp của ta” trở xuống có mười chín hàng rưỡi kệ tức hợp nêu lên sự thọ nhận thấm nhuần mà tăng trưởng. Xét trong mười chín hàng rưỡi kệ được phân làm hai phần. Mười một hàng đầu tụng hợp thí dụ thọ nhận thấm nhuần; tám hàng rưỡi kệ sau tụng hợp thí dụ tăng trưởng. Lại trong mười một hàng tự khai mở làm năm đoạn. “Tất cả các chúng sanh” trở xuống có nửa hàng tụng hợp câu “chúng loại nhiều vô lượng” tức là tụng hợp thí dụ chúng sanh thọ nhận thấm nhuần pháp “Tùy sức mình lãnh lấy” trở xuống có

nửa hàng chính là tụng hợp sự thọ nhận thối nhuần. “Hoặc là ở trời người” trở xuống có bảy hàng rộng nêu ra ba loại cỏ, hai thứ cây nhằm nói rõ sự thối nhuần của chúng sanh không giống nhau. “Phật chỉ bình đẳng nói” chỉ có một hàng rưới kệ nói rõ tâm bình đẳng của Phật nhưng chúng sanh thọ nhận thối nhuần tự có sai khác. “Phật dùng thí dụ này” trở xuống có một hàng rưới kệ nêu ra thí dụ một phần ít. Nay lại căn cứ trong bảy hàng rộng nêu lên ba loại cỏ, hai thứ cây thì ở hàng trước nói rõ ba loại cỏ còn ba hàng sau nói ra hai thứ cây. Trong bốn hàng nói đến ba loại cỏ thì “hoặc là ở trời, người, làm Chuyển luân Thánh Vương” trở xuống có một hàng tụng về hàng trời và người là loại cỏ nhỏ “hoặc rõ pháp vô lậu” trở xuống có hai hàng tụng về hàng nhị thừa Thanh-văn và Duyên-giác tức thuộc loại cỏ bậc trung; “hoặc cầu bậc Thế Tôn” trở xuống chỉ có một hàng tụng về hạng người ngoài phạm phu hành khắp sáu độ của Bồ-tát là loại cỏ bậc thượng. Trong ba hàng nói về hai loại cây thì “lại có hàng Phật tử” trở xuống gồm một hàng rưới kệ tụng về hàng phạm phu Bồ-tát thuộc về cây nhỏ; “hoặc an trụ thần thông” trở xuống có một hàng rưới kệ tụng về hàng Bồ-tát thường trụ ở Thánh vị tức là cây lớn. “Ta rưới trận mưa pháp” trở xuống có tám hàng rưới kệ tụng hợp thí dụ sự tăng trưởng và được phân làm bốn đoạn: 1. Có một hàng tụng lược hợp thí dụ; 2. Có một hàng tụng thí dụ bên ngoài để kết hợp; 3. Có một hàng rưới kệ rộng tụng phần hợp dụ; 4. Có năm hàng căn cứ vào năm hạng người để tụng kết hợp. Một hàng ban đầu tự có hai phần “Ta rưới trận mưa pháp” trở xuống có ba câu tụng hợp nguyên do tăng trưởng. Và câu kế tiếp chính là tụng về sự tăng trưởng. “Như thế lùm rừng kia” trở xuống có một hàng tụng thí dụ bên ngoài để kết hợp. Phần này cũng có hai mục. Ban đầu “như thế lùm rừng kia” trở xuống có ba câu tụng về pháp thể tăng trưởng tức tương ứng với câu “theo mỗi giống loại”. Một câu kế tiếp cũng tụng về sự tăng trưởng “Pháp của đức Phật” trở xuống có một hàng rưới kệ rộng tụng phần hợp dụ. Ba câu đầu chính là tụng hợp câu trong Văn Trường hàng “một tướng một vị”. Một câu kế tiếp tức tụng hợp câu trong Văn Trường hàng “vui mừng đặng nhiều tiện lợi”. Kế đến có hai câu tụng hợp câu trong Văn Trường hàng nói “đời sau sanh về chỗ lành”. “Hàng Thanh-văn Duyên-giác” trở xuống có năm hàng rộng tụng năm hạng người để nói rõ sự tăng trưởng nhưng không tụng đầy đủ tất cả. Ban đầu “hàng Thanh-văn Duyên-giác” trở xuống có một hàng rưới kệ, trước hết tụng về hàng nhị thừa tức thuộc cỏ thuốc bậc trung. “Nếu các vị Bồ-tát” trở xuống chỉ có một hàng rưới kệ tụng loại cây nhỏ tức Bồ-tát từ

bạc Tín trở lên. “Lại có vị trụ thiên, đặng sức thần thông lớn” trở xuống có hai hàng tụng về loại cây lớn tức là hạng Bồ-tát từ sơ địa trở lên. “Như thế, Ca-diếp này” trở xuống có một hàng rưỡi kệ tức tụng hợp thí dụ “không tự biết”. “Ca-diếp ông phải biết” trở xuống có ba hàng rưỡi kệ tụng phần cuối của Văn Trường hàng tức thuật rõ việc “ngày nay đã hiểu”. Ở văn trên thuật lại đã hiểu khai mở Quyền phương tiện lược bỏ không thuật lại sự hiểu rõ việc hiển bày một thừa; vì thuật lại việc khai mở Quyền trí tức thật trí sẽ tự rõ. Nay kệ này tụng thêm nghĩa hiển bày Thật trí. Ban đầu có hai hàng rưỡi kệ tụng thuật lại sự khai mở Quyền phương tiện ở trên. Kế tiếp có một hàng tụng sự hiển bày Thật trí. Nhưng trong văn thuật lại sự khai mở Quyền trí ở trên vốn có hai phần. Phần đầu chính là thuật lại sự hiểu biết về Quyền phương tiện và sau là giải thích. Nay hai hàng rưỡi kệ chỉ là câu tụng thuật lại, mà không phải câu tụng giải thích.

